



SAIGON BANK

SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

2005



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2005**

NỘI DUNG

Trang 3	Các chỉ số tài chính năm 2005
Trang 4	Diễn văn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trang 6	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2005 Phương hướng nhiệm vụ năm 2006
Trang 12	Báo cáo kiểm toán
Trang 13	Báo cáo tài chính
Trang 23	Sơ đồ tổ chức
Trang 24	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Trang 51	Ngân hàng đại lý
Trang 57	Mạng lưới chi nhánh Sài Gòn Công Thương Ngân hàng

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NĂM 2005

Lợi nhuận ròng	80.021 triệu đồng
Tổng tài sản có	4.290.929 triệu đồng
Vốn cổ phần	400.000 triệu đồng
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản bình quân	2,14%
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn cổ phần bình quân	23,10%

DIỄN VĂN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN ÚC
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thưa quý vị cổ đông,

Năm 2005, kinh tế trong nước vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng GDP cao (đạt 8,4%) nhưng cũng có nhiều khó khăn do tác động từ việc tăng liên tục và không ổn định của giá xăng dầu, giá vàng đã có ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam, nhất là trên lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Bên cạnh những tác động về mặt kinh tế, hoạt động ngân hàng năm 2005 hết sức sôi động và chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ sự lớn mạnh của các ngân hàng trong nước và từ chủ trương tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã đẩy lãi suất huy động đồng nội, ngoại tệ tăng cao, ảnh hưởng gián tiếp đối với hoạt động ngân hàng.

Trong bối cảnh chung đó, hoạt động của Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng (Saigon Bank) trong năm qua vẫn đạt được mức tăng trưởng 34% (cao hơn mức tăng trưởng chung của ngành là 25%), mạng lưới chi nhánh được mở rộng từ 18 đến 26 chi nhánh tại các địa bàn trọng điểm trên cả nước, hệ thống hiện đại hóa công nghệ thông tin của ngân hàng được triển khai đầu tư, hệ thống máy rút tiền tự động ATM 24/24 kết nối mạng VNBC, chấp nhận thẻ Visa được đặt tại các tỉnh thành có trụ sở giao dịch, từ đó triển khai thêm các loại hình dịch vụ tiện ích cho khách hàng trong giao dịch với ngân hàng.

Năm 2006, với dự báo kinh tế thế giới vẫn tiếp tục có những diễn biến bất thường cộng với khả năng trở thành thành viên của WTO và tiến trình hội nhập vào khu vực của nước ta, đã đặt hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có ngành ngân hàng, đứng trước những cơ hội và thách thức mới. Để có thể vượt qua thử thách, đứng vững trên thị trường và phát triển, Hội đồng Quản trị Saigon Bank xác định phải tăng cường nội lực trên các mặt tài chính, công nghệ, nguồn lực con người nhằm mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp, tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho các giao dịch của khách hàng.

Chặng đường trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, nhưng với truyền thống đoàn kết, quyết tâm và năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành và tập thể công nhân viên, Saigon Bank tin tưởng sẽ vượt qua mọi trở ngại để tăng tốc nhanh hơn nữa trên con đường phát triển.

Trong từng bước đường phát triển, Saigon Bank luôn ghi đậm những đóng góp, hỗ trợ quý báu của quý vị cổ đông, quý khách hàng và mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của quý vị và toàn thể cán bộ công nhân viên ngân hàng để tiếp tục đưa Saigon Bank trở thành một trong những ngân hàng thương mại lớn tại Việt Nam.

Hội đồng Quản trị Saigon Bank xin gửi đến quý vị cổ đông, quý khách hàng, lời cảm ơn chân thành và lời chúc sức khỏe, thành đạt.

Xin cảm ơn toàn thể quý vị!

Chủ tịch



Nguyễn Văn Úc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2005 PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2006

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2005:

1. Các ảnh hưởng tác động đến hoạt động của nền kinh tế:

- Dịch cúm gia cầm và các tác động tâm lý của nó đã gây các thiệt hại lớn cho ngành chăn nuôi và người dân.
- Chỉ số giá tiêu dùng cả năm tăng 8,4%, trong đó: Giá các mặt hàng sinh hoạt tiêu dùng tăng cao như lương thực, thực phẩm, xăng dầu, ...
- Thị trường nhà đất đóng băng do sự thay đổi về chính sách, quy định nhà đất; giá nhà đất đứng ở mức cao vượt khả năng của người có nhu cầu thực sự ...

2. Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2005:

- Tăng trưởng GDP năm 2005 đạt mức 8,4%, cao nhất trong 8 năm trở lại đây.
- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực nhờ tỷ trọng GDP của khu vực công nghiệp - xây dựng đạt xấp xỉ 41%, khu vực dịch vụ đạt 38,5% ...
- Vốn đầu tư - yếu tố quyết định tốc độ tăng trưởng - có dấu hiệu khởi sắc:
 - + Tổng vốn đầu tư đạt trên 310.000 tỷ đồng, bằng khoảng 38,2% so với GDP.
 - + Đầu tư trong nước tăng khá, trong đó vốn ngoài quốc doanh tăng cao nhất và chiếm gần 1/3 tổng vốn đầu tư.
 - + Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt trên 5,8 tỷ USD, cao nhất tính từ năm 1998.
 - + Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) giải ngân đạt 1,7 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng trên 20%, nếu loại trừ yếu tố tăng giá vẫn tăng trên 11%, cao gấp 1,3 lần tốc độ tăng GDP và cao nhất từ trước đến nay.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt mức 32,2 tỷ USD và đạt khoảng 60% so với GDP.
- Kiều hối năm 2005 đạt mức 3,8 tỷ USD, tăng 20% so với năm 2004.
- Hoạt động ngân hàng năm 2005 có những sự kiện lớn sau:
 1. Chính sách tiền tệ được NHNN quản lý điều hành chặt chẽ trong khi thị trường tiền tệ thường xuyên nóng lên nhưng lãi suất không tăng đột biến.
 2. Thị trường ngoại hối diễn biến trái chiều: Giá vàng tăng cao trong khi tỷ giá ngoại tệ ổn định.
 3. Ngân hàng Nhà nước ban hành nhiều quyết định mới tạo môi trường pháp lý trong hoạt động ngân hàng ngày càng hoàn thiện.
 4. Hệ thống NHTMCP phát triển cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả. Năm 2005 đánh dấu sự phát triển nhanh, vượt bậc của các NHTMCP về mạng lưới, công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và quy mô kinh doanh. Cổ phiếu của các NHTMCP đô thị hấp dẫn các nhà đầu tư và giá giao dịch trên thị trường không chính thức đều cao hơn rất nhiều so với mệnh giá ban đầu.

5. Bùng nổ thị trường dịch vụ thẻ ngân hàng với sự tham gia của 17 NHTM trong phát hành thẻ nội địa và 06 NHTM trong phát hành thẻ tín dụng Quốc tế.

6. Phát hành thành công trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG NĂM 2005:

Trên cơ sở môi trường hoạt động và các chỉ tiêu do Đại Hội đồng Cổ đông giao năm 2005, chúng tôi đã triển khai thực hiện và đạt được những kết quả sau:

1. Nguồn vốn hoạt động: Đến 31/12/2005, tổng nguồn vốn hoạt động là 4.290,93 tỷ đồng, tăng 34,58% so với cuối năm 2004, đạt 103,60% so với chỉ tiêu kế hoạch năm, chi tiết như sau:

1.1. Vốn điều lệ: 400 tỷ đồng, tăng 31,79% so với cuối năm 2004, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm.

1.2. Vốn huy động: 3.618,64 tỷ đồng, tăng 34,77% so với cuối năm 2004, đạt 105,44% chỉ tiêu kế hoạch năm.

2. Hoạt động tín dụng: Đến 31/12/2005, dư nợ cho vay là 3.574,14 tỷ đồng, tăng 36,16% so với cuối năm 2004, đạt 112,75% chỉ tiêu kế hoạch năm.

2.1. Chi tiết hoạt động tín dụng:

- Nợ nhóm 1: 3.547,75 tỷ đồng, tăng 35,71% so với cuối năm 2004, chiếm tỷ trọng 99,26% trên tổng dư nợ.

- Nợ nhóm 2: 19,20 tỷ đồng, tỷ trọng 0,54% trên tổng dư nợ.

- Nợ xấu (từ nhóm 3 đến nhóm 4): 7,19 tỷ đồng, tỷ trọng 0,20% trên tổng dư nợ.

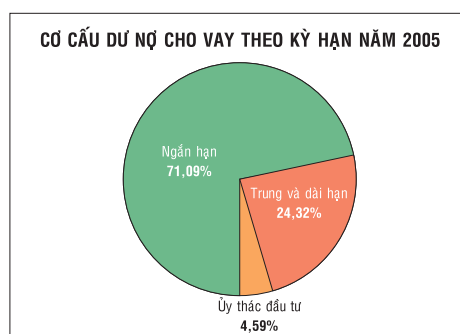
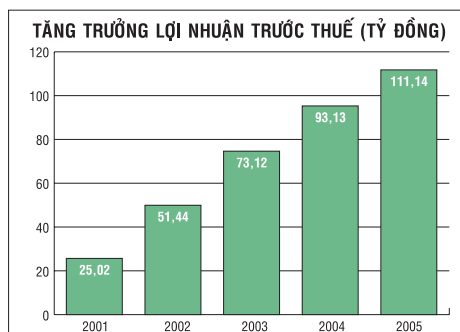
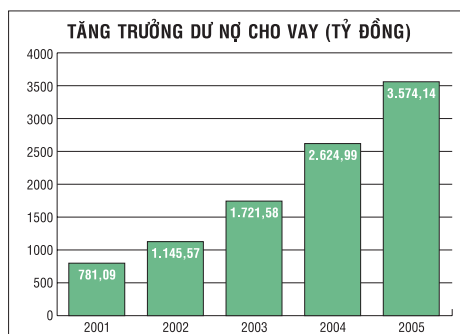
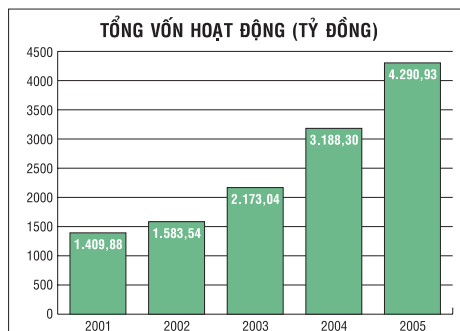
- Nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5): Không có.

2.2. Bảo lãnh: 29,40 tỷ đồng.

2.3. Đánh giá hoạt động tín dụng: Có 04 nét nổi bật sau:

2.3.1. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng thông qua việc phân loại và chọn lọc khách hàng, việc phân loại nợ theo quy định của NHNN VN, cho vay có tài sản đảm bảo, thu lãi kịp thời và đầy đủ, nợ từ nhóm 3 đến nhóm 4 chỉ chiếm 0,2% trên tổng dư nợ (chỉ tiêu NHNN là dưới 5%), không có nợ nhóm 5.

2.3.2. Tốc độ tăng trưởng hoạt động tín dụng tăng 36,16% so với năm 2004 (tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành ngân hàng là 20%).



2.3.3. Đã khai thác và sử dụng hết 95,58% hạn mức vốn Dự án Tài Chính Nông Thôn II của Ngân hàng Thế giới (WB). Như vậy, Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng đã tạo được uy tín với Ngân hàng Thế giới trong thực hiện Dự án RDFII và là cơ sở thuận lợi để Ngân hàng Thế giới (WB) tiếp tục xem xét nâng hạn mức của Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng trong năm 2006.

2.3.4. Đã trích xong dự phòng chung 0,75% trên tổng dư nợ cho vay và bảo lãnh trong năm 2005 thay vì trích dần trong 5 năm theo quy định của NHNN.

3. Hoạt động dịch vụ:

3.1. Hoạt động thanh toán đối ngoại: Doanh số hoạt động thanh toán đối ngoại là 270,06 triệu USD, tăng 10,52% so với năm 2004, đạt 98,29% chỉ tiêu kế hoạch năm.

3.2. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ: Tổng doanh số mua bán ngoại tệ là 801,44 triệu USD. Việc kinh doanh ngoại tệ để cung ứng đủ ngoại tệ cho hoạt động thanh toán, bảo đảm các tỷ lệ an toàn và các biện pháp phòng chống rủi ro theo quy định của NHNN trong kinh doanh ngoại hối.

3.3. Hoạt động thẻ:

- Hoạt động thẻ tín dụng quốc tế tăng 16,80% so với năm 2004.

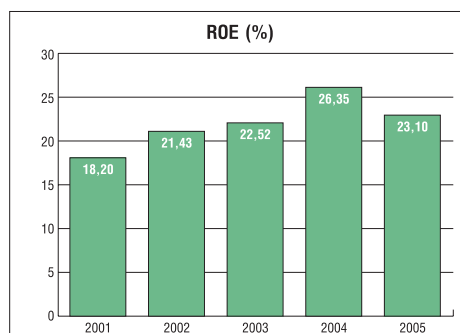
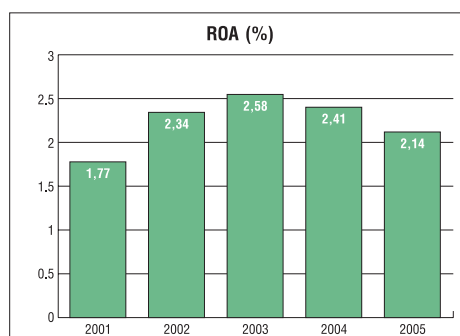
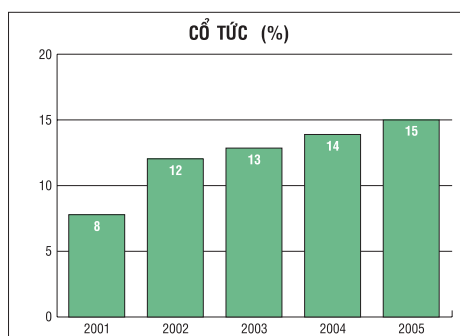
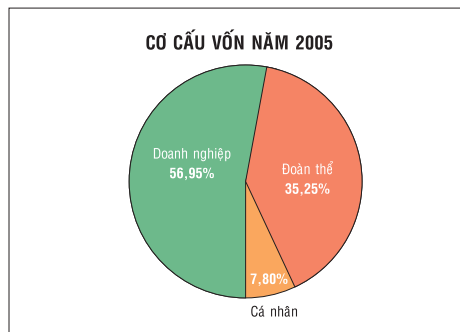
- Hoạt động thẻ đa năng Saigon BankCard:

- + Đã phát hành tổng cộng 49.204 thẻ.

- + Đã trang bị thêm 20 máy ATM, nâng tổng số máy ATM của Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng lên 53 máy. Các máy ATM hiện được trang bị trong toàn hệ thống Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng tại các tỉnh/ thành phố lớn trong cả nước như: TP.HCM, Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bạc Liêu.

- + Đã tham gia kết nối hàng ngang với hệ thống VNBC vào đầu năm 2005 và đến cuối năm 2005, hệ thống VNBC đã kết nạp 02 ngân hàng thành viên mới là Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (MHB) và Ngân hàng Phát triển Nhà Hà Nội (HBB). Như vậy, hiện nay với thẻ đa năng Saigon BankCard, khách hàng có thể giao dịch trên 300 máy ATM và được chấp nhận thanh toán ở 1.000 điểm mua hàng hóa trong hệ thống VNBC.

- + Đã kết nối hệ thống thẻ VNBC với hệ thống của tập đoàn China UnionPay (CUP) của Trung Quốc vào giữa tháng 10/2005 để các du khách Trung Quốc có thể sử dụng thẻ và rút tiền tại các máy ATM của Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng và hệ thống VNBC.



+ Đã kết nối thành công với hệ thống Visa Quốc tế và từ đầu năm 2006 thẻ Visa Quốc tế có thể sử dụng tại các máy ATM của Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng.

3.4. Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước: Tổng doanh số thanh toán là 281,94 ngàn tỷ đồng. Toàn hệ thống đã bảo đảm an toàn hoạt động ngân quỹ, kiểm đếm chính xác, thanh toán và đáp ứng kịp thời các nhu cầu tiền mặt của khách hàng trong toàn hệ thống. Ngoài ra, do là thành viên của Hệ thống Thanh toán Điện tử Liên ngân hàng của NHNN nên thông qua Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

4. Hoạt động góp vốn, liên doanh: Đến 31/12/2005, Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng đã góp vốn mua cổ phần với tổng số tiền là 57,50 tỷ đồng, trong đó tại Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản là 36 tỷ.

5. Đầu tư tài chính: Đến 31/12/2005, Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng đã đầu tư mua trái phiếu Kho bạc Nhà nước, trái phiếu đô thị là 193,20 tỷ đồng, tăng 92,24% so với năm 2004. Hoạt động trên vừa thu lợi nhuận là 10,85 tỷ đồng, vừa tăng khả năng thanh khoản trong năm 2005.

6. Công tác tổ chức cán bộ - nhân sự:

- Bổ nhiệm thêm một Phó Tổng Giám Đốc phụ trách hoạt động tại các khu vực miền Bắc.

- Tuyển dụng bổ sung 230 lượt người và bổ nhiệm 72 cán bộ trẻ có năng lực vào các vị trí quản lý tại các Phòng Hội Sở và các chi nhánh.

- Thường xuyên thực hiện công tác đào tạo trong và ngoài nước dưới nhiều hình thức như đào tạo tại chỗ, đào tạo theo chương trình của Hiệp hội Ngân hàng, NHNN, Trung tâm Đào tạo Ngân hàng, ... để nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ, chuẩn bị cho việc phát triển, hội nhập trong thời gian tới.

7. Công tác kiểm soát nội bộ: Thường xuyên tổ chức việc kiểm tra định kỳ, kiểm tra tại chỗ và đã tổ chức bộ máy kiểm tra nội bộ tại mỗi đơn vị trong toàn hệ thống Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng. Qua công tác kiểm tra, Phòng kiểm tra nội bộ đã kiến nghị chỉnh sửa những thiếu sót của đơn vị nhằm bảo đảm sự phát triển ổn định và an toàn hoạt động trong toàn hệ thống Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng.

8. Công tác xã hội từ thiện:

Năm 2005, Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng đã ủng hộ công tác xã hội từ thiện là 230,85 triệu đồng từ nguồn trích 01 ngày lương/ quý của CBCNV và quỹ phúc lợi để xây dựng nhà tình thương, cứu trợ đồng bào bị bão lụt, ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, bảo trợ bệnh nhân nghèo, ...



9. Kết quả kinh doanh: Lợi nhuận năm 2005 là 111,14 tỷ đồng, đạt 116,99% chỉ tiêu Đại Hội Đồng Cổ Đông giao.

10. Cổ tức: Chia cổ tức năm 2005 cho cổ đông là 15%/năm.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KINH DOANH NĂM 2006:

1. Mục tiêu phương hướng hoạt động năm 2006:

- Tăng trưởng và bảo đảm an toàn hoạt động trong quá trình triển khai Dự án Core Banking (Hệ thống ngân hàng lõi).

- Có kế hoạch chu đáo để triển khai thành công hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại.

- Điều chỉnh và tiếp tục phát triển mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch tại các khu vực kinh tế trọng điểm trong cả nước.

- củng cố và phát triển các sản phẩm hiện có, nghiên cứu để chuẩn bị phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử, triển khai nghiệp vụ mới bao thanh toán.

- Nâng cao chất lượng hoạt động, nhất là chất lượng tín dụng.

- Củng cố và nâng cao khả năng thanh khoản để bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng mô hình hoạt động đủ sức đáp ứng yêu cầu đổi mới trong hội nhập.

- Nguồn nhân lực: Tiếp tục đào tạo và đào tạo lại nhằm bổ sung bộ máy nhân sự đủ sức vận hành công nghệ ngân hàng mới, thực hiện các nghiệp vụ và quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế.

- Đổi mới phong cách phục vụ khách hàng phù hợp với công nghệ mới và việc quản trị ngân hàng theo mô hình tiên tiến.

- Tiếp tục xây dựng và quảng bá thương hiệu Saigonbank.

2. Các chỉ tiêu thực hiện năm 2006:

2.1. Vốn điều lệ: Tăng lên 620 tỷ đồng (tăng 220 tỷ đồng).

2.2. Vốn huy động: 4.846 tỷ đồng, tăng 33,92% so với năm 2005.

2.3. Dư nợ cho vay: 4.632 tỷ đồng, tăng 29,58% so với năm 2005.

2.4. Nợ xấu (từ nhóm 3 đến nhóm 5): Dưới 2% trên tổng dư nợ.

2.5. Lợi nhuận: 130 tỷ đồng (đã trích Dự Phòng Cụ Thể và Dự Phòng Chung theo QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và không tính thu nhập bất thường).

2.6. Cổ tức: Tối thiểu 14%/ năm.



3. Các giải pháp thực hiện trong năm 2006:

3.1. Các giải pháp nghiệp vụ:

- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Thành lập thêm các chi nhánh theo chỉ tiêu kế hoạch phát triển mạng lưới.
- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức phù hợp để đổi mới phong cách phục vụ, thực hiện việc cải cách hành chính trong giao dịch với khách hàng.
- Phát hành kỳ phiếu Sài Gòn Công Thương Ngân Hàng.
- Chuyển đổi và cân đối danh mục tài sản nợ, tài sản có để bảo đảm khả năng thanh khoản, mở rộng đầu tư tài chính để phòng tránh rủi ro, tăng hiệu quả và bảo đảm an toàn hoạt động.
- Triển khai Dự án Core Banking: Trong năm 2006 triển khai giai đoạn 1 Dự án Core Banking và phần đầu hoàn thành trong thời gian ngắn nhất.



Nội dung các giai đoạn triển khai của Dự án Core Banking như sau:

- + Giai đoạn 1: Xây dựng Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng, phát triển các hệ thống ứng dụng như tự động hóa, hỗ trợ giao dịch tại quầy.
- + Giai đoạn 2: Phát triển thêm những sản phẩm Ngân hàng mới được phát triển trên kênh giao dịch điện tử như E-commerce banking, Internet banking; hệ thống công cụ quản lý như quản lý rủi ro, marketing, đánh giá khoản vay, quản lý tài khoản, quản lý tài sản và các khoản nợ ..., và hệ thống các báo cáo quản lý.
- Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh và phát triển dịch vụ giai đoạn 2006-2010.

3.2. Các giải pháp hỗ trợ:

3.2.1. Nguồn nhân lực:

- + Tiếp tục đào tạo bồi dưỡng, bổ sung nguồn nhân lực bằng các hình thức đào tạo trong và ngoài nước, đào tạo tại chỗ thông qua các chương trình của Hiệp hội Ngân hàng, NHNN, của các chuyên gia nước ngoài về vận hành, thao tác công nghệ mới, ...
- + Quy hoạch, đào tạo cán bộ điều hành các cấp đủ điều kiện kế thừa, đủ năng lực quản lý, vận hành hoạt động Ngân hàng theo công nghệ mới, chuẩn mực quản trị Ngân hàng theo mô hình ngân hàng hiện đại.

3.2.2. Các quy chế hoạt động: Bổ sung đầy đủ các quy chế hoạt động theo quy định của NHNN nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động Ngân hàng như ban hành chính sách phân loại khách hàng và các chính sách ưu đãi đối với khách hàng, quản lý rủi ro, quản lý tài sản nợ-có, sổ tay tín dụng.

3.2.3. Về kiểm tra, kiểm soát: Bổ sung cán bộ có năng lực, đạo đức, kinh nghiệm cho bộ máy kiểm tra, kiểm soát để có đủ điều kiện và năng lực phát hiện kịp thời nguy cơ hoặc rủi ro trong từng nghiệp vụ kinh doanh của Ngân hàng, đề ra các biện pháp ngăn chặn hoặc xử lý phù hợp nhằm bảo đảm an toàn hoạt động Ngân hàng.



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatics Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 9305163 (10 lines) Fax: (84-8) 9304281
Email: aisc@hcm.vnn.vn

Số: 1205409/AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2005 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

**Kính gửi: QUÍ VỊ CỔ ĐÔNG,
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

1. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối Tài khoản năm 2005, Bảng Cân đối Kế toán ngày 31/12/2005, Báo cáo Kết quả Kinh doanh năm 2005, Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ năm 2005 và Thuyết minh các Báo cáo Tài chính năm 2005 của Quý Ngân hàng được trình bày từ trang 03 đến trang 26*.

Việc lập, soạn thảo và trình bày các Báo cáo Tài chính này thuộc về trách nhiệm của Quý Ngân hàng. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo này.

2. Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những Quy định của Nhà nước Việt Nam về Chế độ Kế toán và Kiểm toán, phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Tiêu chuẩn Kiểm toán Quốc tế cùng với những thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt Nam chấp nhận.

Trên căn bản áp dụng những thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên các báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương đăng ký sử dụng, về các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, về việc soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính. Đồng thời, cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám Đốc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng các báo cáo tài chính nêu trên tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

3. Ý kiến của Kiểm Toán Viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính nói trên đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2005, kết quả kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ của niên độ 2005 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

Các báo cáo tài chính này đã được soạn thảo và trình bày phù hợp theo Hệ thống Kế toán Việt Nam ngành Ngân hàng ban hành theo Quyết định 479/2004/QĐ – NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kiểm toán viên

Võ Hồng Quân

Chứng chỉ kiểm toán viên
Số: Đ 0204/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2006

Giám Đốc AISC



Nguyễn Hữu Trí

Chứng chỉ kiểm toán viên
Số: 0476/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

(* Từ trang 13 đến trang 22 của báo cáo thường niên này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Triệu VND

TÀI SẢN	2004	2005
I. TIỀN MẶT TẠI QUỸ	32.435	44.145
II. TIỀN GỬI TẠI NHNN	42.380	115.140
III. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI	187.652	164.096
IV. CHO VAY CÁC TCTD KHÁC		
- Cho vay các TCTD khác	10.093	19.364
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	(145)
V. CHO VAY CÁC TCKT, CÁ NHÂN TRONG NƯỚC		
- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	2.614.897	3.554.779
- Dự phòng phải thu khó đòi	(3.756)	(27.670)
VI. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ		
1. Đầu tư vào chứng khoán		
- Đầu tư vào chứng khoán	100.500	193.200
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	-
2. Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	52.000	57.500
VII. TÀI SẢN		
1. Tài sản cố định		
- Nguyên giá TSCĐ	157.683	181.431
- Hao mòn TSCĐ	(30.987)	(41.220)
2. Tài sản khác	337	336
VIII. TÀI SẢN CÓ KHÁC		
1. Các khoản phải thu	20.373	20.965
2. Các khoản lãi cộng dồn dự thu	4.629	10.223
3. Tài sản có khác	64	528
4. Các khoản dự phòng rủi ro khác	-	(1.743)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.188.300	4.290.929

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tt.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Triệu VND

NGUỒN VỐN	2004	2005
I. TIỀN GỬI CỦA KBNN VÀ CÁC TCTD KHÁC		
1. Tiền gửi của KBNN	-	-
2. Tiền gửi của TCTD khác	421.219	537.196
II. VAY NHNN, TCTD KHÁC		
1. Vay NHNN	31.000	58.000
2. Vay TCTD trong nước	75.778	50.000
3. Vay TCTD ở nước ngoài	-	-
4. Nhận vốn cho vay đồng tài trợ	-	-
III. TIỀN GỬI CỦA TCKT, DÂN CƯ	2.018.635	2.830.064
IV. VỐN TÀI TRỢ ỦY THÁC ĐẦU TƯ	138.499	143.378
V. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ	-	-
VI. TÀI SẢN NỢ KHÁC		
1. Các khoản phải trả	7.707	17.507
2. Các khoản lãi cộng dồn dự trả	19.400	39.752
3. Tài sản nợ khác	5.441	5.598
VII. VỐN VÀ CÁC QUỸ		
1. Vốn các TCTD		
- Vốn điều lệ	303.500	400.000
- Vốn đầu tư XDCB	18.282	-
- Vốn khác	8.234	-
2. Quỹ TCTD	47.477	98.294
3. Lãi/Lỗ	93.128	111.140
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.188.300	4.290.929

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tt.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2004	2005
1. Tiền không có giá trị lưu hành	6	9
2. Chứng từ có giá trị bằng ngoại tệ	57.734	91.298
3. Cam kết bảo lãnh cho khách hàng	153.135	142.279
4. Cam kết bán ngoại tệ có kỳ hạn	3.621	-
5. Các bảo lãnh khác nhận được	-	932
6. Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng Việt Nam	35.513	29.809
7. Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng ngoại tệ	1.842	1.853
8. Nợ bị tổn thất trong thời gian theo dõi	98.102	89.449
9. Tài sản khác giữ hộ	-	-
10. Tài sản thế chấp, cầm cố của khách hàng	4.386.002	6.445.471
11. Tài sản gán xiết nợ chờ xử lý	64.546	63.781
12. Các giấy tờ có giá của khách hàng đưa cầm	3.208	13.419
13. Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	134.067	199.206
TỔNG CỘNG	4.937.776	7.077.506

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

PHẦN I - LÃI, LỖ

Đơn vị tính: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU	2004	2005
I. THU TỪ LÃI		
1. Thu lãi cho vay	284.951	426.365
- Trong đó, thu lãi cho vay điều hòa vốn	-	91.033
2. Thu lãi tiền gửi	5.538	10.309
3. Thu lãi góp vốn, mua cổ phần	162	1.193
4. Thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
5. Thu khác về hoạt động tín dụng	40	10.931
Tổng thu tiền lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi	290.691	448.798
II. CHI TRẢ LÃI		
1. Chi trả lãi tiền gửi	123.348	171.571
2. Chi trả lãi tiền đi vay	65.099	106.316
Trong đó, chi trả lãi cho vay điều hòa vốn	-	91.033
3. Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	-	-
Tổng chi trả lãi	188.447	277.887
III. THU NHẬP TỪ LÃI (THU NHẬP LÃI RÒNG)	102.244	170.911
IV. THU NGOÀI LÃI		
1. Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	190	125
2. Thu phí dịch vụ thanh toán	13.844	12.622
3. Thu phí dịch vụ ngân quỹ	-	13
4. Thu từ tham gia thị trường ngoại tệ	9.623	-
5. Lãi từ kinh doanh ngoại hối	2.062	1.904
6. Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	141	-
7. Thu từ các dịch vụ khác	23.943	5.337
8. Các khoản thu nhập bất thường	1.875	20.847
Tổng thu ngoài lãi	51.678	40.848

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

PHẦN I - LÃI, LỖ (tt.)

Đơn vị tính: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU	2004	2005
V. CHI PHÍ NGOÀI LÃI		
1. Chi khác về hoạt động huy động vốn	90	1.350
2. Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	3.510	4.219
3. Chi về tham gia thị trường tiền tệ	-	-
4. Lỗ từ kinh doanh ngoại hối	-	-
5. Chi về hoạt động khác	-	-
6. Chi nộp thuế	570	302
7. Chi nộp các khoản phí, lệ phí	173	980
8. Chi phí cho nhân viên	19.724	28.416
9. Chi hoạt động quản lý và công cụ	9.503	11.890
10. Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	7.831	11.017
11. Chi khác về tài sản	6.329	7.965
12. Chi dự phòng	11.789	32.692
13. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng, chi bồi thường BHTG	1.232	1.787
14. Chi bất thường	43	1
Tổng chi phí ngoài lãi	60.794	100.619
VI. THU NHẬP NGOÀI LÃI	(9.116)	(59.771)
VII. THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	93.128	111.140
VIII. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	26.076	31.119
IX. THU NHẬP SAU THUẾ	67.052	80.021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2004	Số phải nộp	Số đã nộp	2005
THUẾ	-17.822	28.405	22.165	-11.582
1. Thuế VAT	58	1.729	1.609	178
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
3. Thuế xuất nhập khẩu	-	81	81	-
4. Thuế thu nhập	-17.880	26.004	19.884	-11.760
5. Thu sử dụng vốn ngân sách	-	-	-	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-	-
7. Thuế nhà đất	-	7	7	-
8. Tiền thuê đất	-	-	-	-
9. Các loại thuế khác	-	584	584	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2004	2005
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	93.128	111.140
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Khấu hao TSCĐ	8.016	11.017
- Dự phòng	976	25.803
- Lãi lỗ do thanh lý TSCĐ	(21.650)	(329)
- Lãi lỗ do đánh giá lại tài sản	(32)	(64)
- Lãi lỗ từ việc bán chứng khoán	(645)	-
- Thu lãi đầu tư chứng khoán	(8.978)	(10.852)
- Lãi lỗ do đầu tư vào đơn vị khác (góp vốn, mua cổ phần)	(163)	(1.193)
- Các điều chỉnh khác	-	-
2. Lợi nhuận KD trước những thay đổi về TS và công nợ HĐ	70.653	135.521
<i>(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động</i>		
- (Tăng)/Giảm tiền gửi tại TCTD khác	-	-
- (Tăng)/Giảm cho vay đối với TCTD khác	4.341	(9.271)
- (Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	(907.756)	(939.883)
- (Tăng)/Giảm lãi dự thu	(4.629)	(5.594)
- (Tăng)/Giảm các tài sản hoạt động khác	13.948	(1.058)
<i>Tăng/(Giảm) các khoản công nợ hoạt động</i>		
- Tăng/(Giảm) tiền gửi của các TCTD khác	246.056	115.977
- Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	487.433	811.429
- Tăng/(Giảm) lãi dự trả	19.400	20.353
- Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá	-	-
- Tăng/(Giảm) vay NHNN	31.000	27.000
- Tăng/(Giảm) vay TCTD khác trong nước và nước ngoài	75.778	(25.778)
- Tăng/(Giảm) vốn tài trợ vốn ủy thác đầu tư	88.499	4.879
- Tăng/(Giảm) khoản nhận vốn để cho vay đồng tài trợ	-	-
- Tăng/(Giảm) các khoản công nợ hoạt động khác	(2.847)	5.708

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2004	2005
3. Tiền thuần từ hoạt động KD trước thuế thu nhập DN	121.875	139.283
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(41.012)	(19.885)
- Chi từ các quỹ của TCTD	(6.153)	(8.431)
4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	74.710	110.968
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
- Mua TSCĐ theo nguyên giá	(36.748)	(25.424)
- Tiền thu do bán, thanh lý TSCĐ	21.650	330
- Tiền mua chứng khoán	(32.480)	(102.700)
- Tiền thu từ bán chứng khoán	19.721	10.000
- Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	8.978	10.852
- Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	(2.000)	(5.500)
- Tiền thu từ góp vốn liên doanh, mua cổ phần	-	-
- Thu lãi góp vốn mua cổ phần	163	1.193
- Các hoạt động đầu tư khác	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(20.717)	(111.249)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Tăng/giảm vốn cổ phần	53.500	96.500
- Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư và TCTD	(27.731)	(35.306)
- Các hoạt động tài chính khác	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	25.769	61.194
IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	79.762	60.913
V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	182.706	262.468
VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	262.467	323.381
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN GỒM CÓ:		
- Tiền, kim loại quý, đá quý	32.435	44.145
- Tiền gửi tại Ngân Hàng Nhà Nước	42.380	115.140
- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	187.652	164.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với các báo cáo tài chính năm 2005 của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương (“Ngân hàng”).

MỘT SỐ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

A. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
- Số dư đầu kỳ	-	119.396	14.004	8.353	15.930	157.683
- Số tăng trong kỳ	-	16.718	3.892	2.610	2.204	25.424
- Số giảm trong kỳ	-	-	48	1.593	36	1.677
- Số cuối kỳ	-	136.114	17.848	9.370	18.098	181.430
II. Giá trị hao mòn						
- Số dư đầu kỳ	-	18.467	2.171	3.307	7.041	30.986
- Số tăng trong kỳ	-	4.871	2.643	1.328	2.460	11.302
- Số giảm trong kỳ	-	-	48	986	34	1.068
- Số cuối kỳ	-	23.338	4.766	3.649	9.467	41.220
III. Giá trị còn lại						
- Số dư đầu kỳ	-	100.929	11.833	5.046	8.889	126.697
- Số cuối kỳ	-	112.776	13.082	5.721	8.631	140.210

B. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên (báo cáo theo năm)

CHỈ TIÊU	Năm 2005
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	622
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên	
1. Tổng quỹ lương	24.585
2. Tiền thưởng	-
3. Tổng thu nhập	24.585
4. Tiền lương bình quân (người / tháng)	3,29
5. Thu nhập bình quân (người / tháng)	3,29

C. Tình hình nợ quá hạn của Tổ chức tín dụng

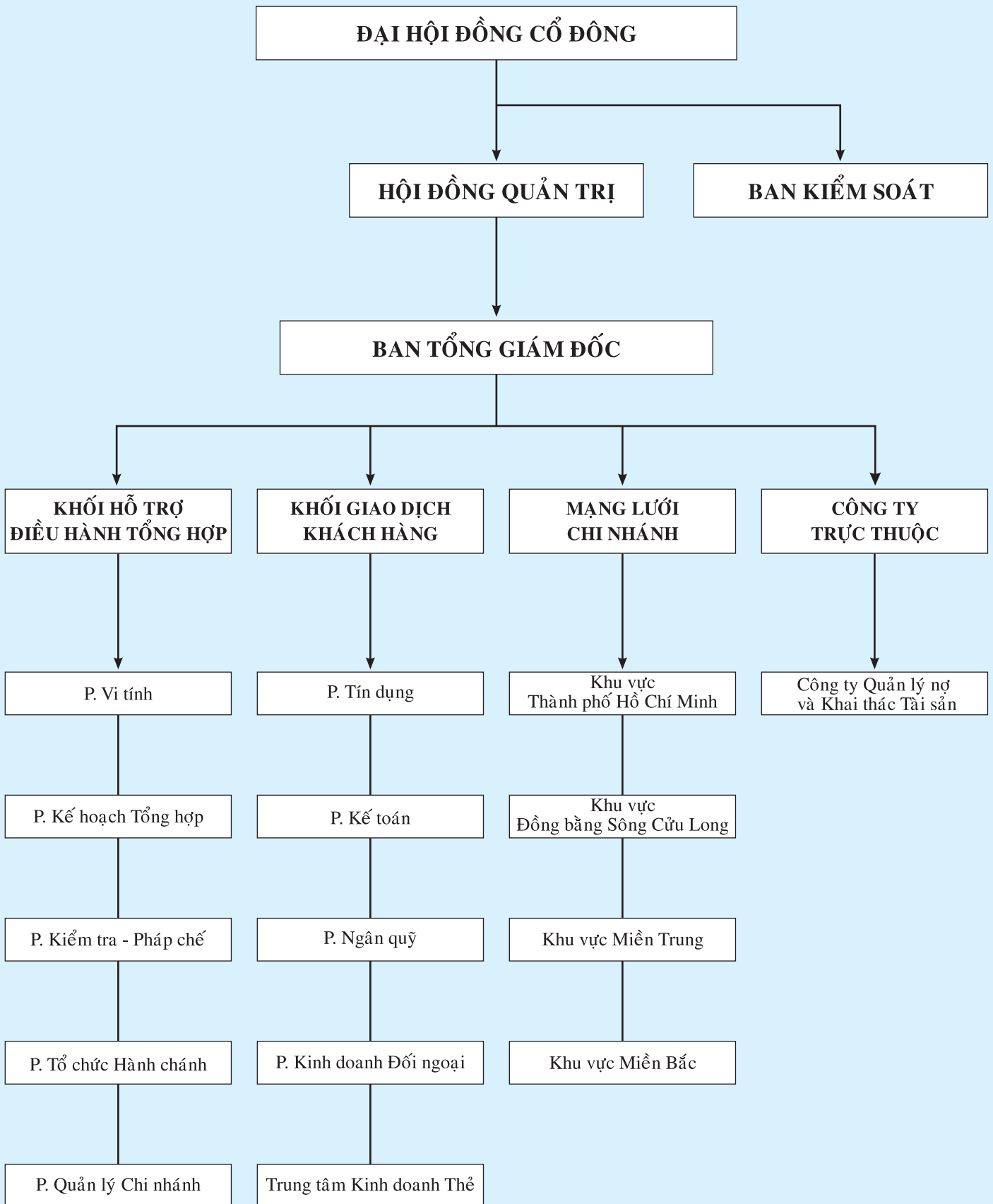
CHỈ TIÊU	2004	2005
I. Tổng dư nợ (TK loại 2)	2.624.990	3.574.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

II. Các khoản nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5	10.745	26.391
III. Số nợ nhóm 2-5 có tài sản đảm bảo	10.745	26.391
IV. Tỷ lệ nợ nhóm 2-5 trên tổng dư nợ	0,41%	0,74%
D. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn và sử dụng vốn		
CHỈ TIÊU	2004	2005
PHẦN A: NGUỒN VỐN	3.188.300	4.290.929
I. Vốn huy động	2.512.135	3.431.294
1. Tiền gửi	2.405.357	3.323.294
2. Tiền vay	106.778	108.000
II. Nguồn vốn ủy thác đầu tư	138.499	143.378
1. Bằng đồng Việt Nam	138.499	143.378
2. Bằng ngoại tệ	-	-
III. Vốn và các quỹ	382.934	503.893
1. Vốn của các TCTD	330.016	400.000
2. Các quỹ của TCTD	52.918	103.893
IV. Nguồn vốn khác	154.732	212.364
PHẦN B: SỬ DỤNG VỐN	3.188.300	4.290.929
I. Tiền và giấy tờ có giá	32.435	44.145
II. Tiền gửi	230.032	279.235
III. Đầu tư vào chứng khoán	100.500	193.200
IV. Vốn góp liên doanh, mua cổ phần	16.000	21.500
V. Hoạt động tín dụng	2.624.990	3.574.142
1. Cho vay các TCTD trong nước	10.094	19.364
2. Cho vay các TCKT và cá nhân trong nước	2.398.843	3.310.970
3. Nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá	41.291	76.358
4. Cho vay bằng vốn tài trợ ủy thác	173.562	163.950
5. Nghiệp vụ cầm đồ	-	-
6. Các khoản nợ chờ xử lý	-	3.500
7. Các khoản nợ khoanh	1.200	-
VI. Tài sản cố định	126.696	140.211
VII. Sử dụng vốn khác	57.647	38.496

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG
(Tính đến 31.12.2005)



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THE BOARD OF DIRECTORS



Ông / Mr. NGUYỄN VĂN ÚC
Chủ Tịch HĐQT / Chairman

Trưởng Ban Tài Chính Quản Trị Thành Ủy TP.HCM
Head of Finance Department, City Party Committee



Ông / Mr. ĐÀO HẢO
Ủy Viên / Member

Phó Giám Đốc Ngân Hàng Ngoại Thương VN - CN TP.HCM
Deputy Director of Vietcombank HCMC



Ông / Mr. DƯƠNG XUÂN MINH
Phó Chủ Tịch HĐQT / Vice Chairman

Chuyên Viên Công Ty Dầu Khí TP.HCM
Specialist of Saigon Petro



Ông / Mr. TÔ VĂN CHÁNH
Ủy Viên / Member

Giám Đốc Ngân Hàng Công Thương VN - CN 1 TP.HCM
Director of Branch 1, Vietincombank HCMC



Ông / Mr. ĐỖ VĂN HOÀNG
Ủy Viên / Member

Chủ Tịch HĐQT Tổng Công Ty Du lịch Sài Gòn
Chairman of the BOD of Saigon Tourist



Bà / Ms. VÕ THỊ THÚY
Ủy Viên / Member

Giám Đốc Công Ty Du Lịch Thương Mại Kỳ Hòa
Director, Ky Hoa Tourist & Trading Co., HCMC



Ông / Mr. NGÔ THÀNH LƯƠNG
Ủy Viên / Member

Chánh Văn Phòng Quận Ủy Quận 6
Chief of Secretariat, Party Committee of Dist. 6

BAN KIỂM SOÁT THE SUPERVISORY BOARD



Bà / Ms. NGUYỄN THỊ ẢNH
Kiểm Soát Viên / Comptroller



Ông / Mr. NGUYỄN HỮU HẠNH
Kiểm Soát Viên Trưởng / Chief Comptroller
Kế Toán Viên Công Ty Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu TP.HCM
Accountant of Agrex Saigon



Bà / Ms. BÙI THỊ MAI
Kiểm Soát Viên / Comptroller

BAN ĐIỀU HÀNH THE MANAGEMENT



Bà / Ms. TRẦN THỊ VIỆT ÁNH
Tổng Giám Đốc / Director General



Bà / Ms. NGUYỄN THỊ MƯỜI
Phó Tổng Giám Đốc
Deputy Director General



Bà / Ms. HỒNG THỊ TÂM
Phó Tổng Giám Đốc
Deputy Director General



Bà / Ms. PHẠM THỊ CÚC
Phó Tổng Giám Đốc
Deputy Director General

